

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về việc sử dụng Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về việc sử dụng Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc sử dụng, bảo vệ và phát huy giá trị Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng Quốc ca.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài “Tiến quân ca” theo quy định của Hiến pháp; lời Quốc ca sử dụng trong nghi lễ là lời thứ nhất của bài “Tiến quân ca”.

2. Quốc thiều là phần nhạc không lời của Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bản hòa âm, phối khí chính thức của Quốc ca, Quốc thiều là bản hòa âm, phối khí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức xây dựng, thẩm định và công bố để sử dụng thống nhất theo quy định của Nghị định này.

4. Bản ghi âm chính thức của Quốc ca, Quốc thiều là bản ghi âm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện, thẩm định và công bố để sử dụng theo quy định của Nghị định này.

5. Nghi thức hát Quốc ca là việc hát trực tiếp, hát theo bản ghi âm có lời hoặc phát bản ghi âm có lời Quốc ca trong trường hợp quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng Quốc ca

1. Việc sử dụng Quốc ca phải bảo đảm đúng nhạc, đúng lời, trang nghiêm, thống nhất, phù hợp với tính chất, mục đích của nghi lễ, sự kiện, hoạt động; không làm sai lệch nội dung, giá trị lịch sử, chính trị, văn hóa và ý nghĩa thiêng liêng của Quốc ca.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được tiếp cận, sử dụng Quốc ca theo quy định của pháp luật; không được ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng Quốc ca hợp pháp.

3. Việc sử dụng Quốc ca phải gắn với giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị Quốc ca; góp phần giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng, ý thức trách nhiệm công dân và niềm tự hào dân tộc.

4. Việc sử dụng Quốc ca trong hoạt động đối ngoại, quốc phòng, an ninh và nghi lễ đặc thù phải tuân thủ Nghị định này, pháp luật chuyên ngành và thông lệ quốc tế.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Xuyên tạc, sửa lời, sửa nhạc, chế lời, cắt ghép hoặc làm biến dạng Quốc ca.
2. Thể hiện Quốc ca bằng hình thức có nội dung xúc phạm, chế giễu hoặc làm mất sự trang nghiêm của Quốc ca.
3. Sử dụng Quốc ca nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc.
4. Sử dụng Quốc ca để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
5. Thực hiện quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền khác nhằm ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng Quốc ca hợp pháp.
6. Giả mạo bản hòa âm, phối khí chính thức của Quốc ca, Quốc thiều hoặc cung cấp thông tin sai lệch về bản chính thức.
7. Lợi dụng việc quản lý, cung cấp hoặc sử dụng Quốc ca để thu lợi trái pháp luật.

Chương II

SỬ DỤNG, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA QUỐC CA

Điều 6. Bản hòa âm, phối khí chính thức và bản ghi âm chính thức của Quốc ca, Quốc thiều

1. Bản hòa âm, phối khí chính thức và bản ghi âm chính thức của Quốc ca, Quốc thiều được sử dụng thống nhất trong các nghi lễ, sự kiện và hoạt động thuộc trường hợp bắt buộc theo quy định của Nghị định này.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức xây dựng, thẩm định, công bố và cung cấp bản hòa âm, phối khí chính thức và bản ghi âm chính thức của Quốc ca, Quốc thiều.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng miễn phí bản hòa âm, phối khí chính thức và bản ghi âm chính thức của Quốc ca, Quốc thiều do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

4. Trường hợp hát trực tiếp, biểu diễn bằng nhạc cụ hoặc sử dụng hình thức thể hiện khác không sử dụng bản hòa âm, phối khí chính thức thì phải bảo đảm đúng nhạc, đúng lời, trang nghiêm và phù hợp với tính chất của nghi lễ, sự kiện, hoạt động.

Điều 7. Hình thức thể hiện Quốc ca

1. Quốc ca được thể hiện bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Hát trực tiếp;
- b) Hát theo bản ghi âm có lời;
- c) Phát bản ghi âm có lời;
- d) Biểu diễn bằng nhạc cụ;

đ) Hình thức khác bảo đảm đúng nhạc, đúng lời, trang nghiêm và phù hợp với tính chất của nghi lễ, sự kiện, hoạt động.

2. Trong trường hợp phải thực hiện nghi thức hát Quốc ca theo quy định tại Điều 8 Nghị định này, cơ quan, tổ chức chủ trì lựa chọn hát trực tiếp, hát theo bản ghi âm có lời hoặc phát bản ghi âm có lời.

3. Khuyến khích hát trực tiếp Quốc ca trong lễ chào cờ, hoạt động của cơ sở giáo dục và hoạt động giáo dục truyền thống.

4. Quốc thiều được thể hiện bằng bản ghi âm chính thức hoặc do quân nhạc, dàn nhạc, ban nhạc biểu diễn theo bản hòa âm, phối khí chính thức.

Điều 8. Các trường hợp thực hiện nghi thức hát Quốc ca

Phải thực hiện nghi thức hát Quốc ca trong các trường hợp sau đây:

- 1. Lễ chào cờ theo quy định của pháp luật;
- 2. Lễ kỷ niệm cấp quốc gia đối với ngày lễ lớn, sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước;
- 3. Lễ kỷ niệm ngày sinh của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã từ trần; lễ kỷ niệm năm mất của danh nhân được tổ chức theo quyết định hoặc quy định của cơ quan có thẩm quyền;
- 4. Lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của bộ, ngành, địa phương được tổ chức theo quy định của pháp luật;
- 5. Đại hội, hội nghị, sự kiện chính trị quan trọng có tổ chức lễ chào cờ theo quy định;
- 6. Lễ chào cờ, lễ khai giảng và hoạt động khác của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục;

7. Sự kiện thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật, điều lệ giải hoặc thông lệ quốc tế;

8. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghi thức hát Quốc ca

1. Khi thực hiện nghi thức hát Quốc ca, người tham dự đứng nghiêm, hướng về Quốc kỳ, hát đúng nhạc, đúng lời và thể hiện thái độ trang nghiêm.

2. Người đang đội mũ phải bỏ mũ, trừ trường hợp thực hiện theo điều lệnh, điều lệ, nghi lễ chuyên ngành hoặc vì lý do tôn giáo, sức khỏe và trường hợp phù hợp khác.

3. Người chủ trì, người điều hành hoặc người đứng trên lễ đài có Quốc kỳ đặt phía sau đứng nghiêm, hướng về phía trước; những người tham dự khác hướng về Quốc kỳ.

4. Không nói chuyện, sử dụng điện thoại hoặc thực hiện hành vi không liên quan trong thời gian thực hiện nghi thức hát Quốc ca.

5. Trong thời gian thực hiện nghi thức hát Quốc ca, không sử dụng lời dẫn, động tác múa phụ họa, âm thanh, hiệu ứng sân khấu hoặc hình thức thể hiện khác làm ảnh hưởng đến tính trang nghiêm của nghi thức.

6. Người khuyết tật, người không thể đứng vì lý do sức khỏe thực hiện nghi thức bằng thái độ trang nghiêm, phù hợp với khả năng.

7. Quân nhân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và lực lượng vũ trang thực hiện theo điều lệnh, điều lệ, nghi lễ của ngành.

8. Khi không có Quốc kỳ tại địa điểm tổ chức, người tham dự đứng nghiêm, hướng về vị trí thực hiện nghi thức hoặc hướng về lễ đài.

Điều 10. Sử dụng Quốc thiều

1. Quốc thiều được sử dụng trong nghi lễ đối ngoại của Đảng và Nhà nước; lễ đón cấp nhà nước, lễ đón chính thức khách cấp cao nước ngoài; nghi lễ quân sự; lễ Quốc tang; sự kiện thể dục, thể thao quốc tế và trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc thông lệ quốc tế.

2. Các trường hợp, thứ tự và nghi thức cử Quốc thiều trong hoạt động đối ngoại thực hiện theo pháp luật về nghi lễ đối ngoại.

3. Khi cử Quốc thiều Việt Nam và Quốc thiều nước ngoài, trường hợp Việt Nam là nước chủ trì thì Quốc thiều nước khách được cử trước, Quốc thiều Việt Nam được cử sau, trừ trường hợp pháp luật, điều ước quốc tế hoặc thông lệ quốc tế có quy định khác.

4. Trong nghi lễ đối ngoại phải sử dụng bản ghi âm chính thức hoặc bản biểu diễn theo bản hòa âm, phối khí chính thức.

Điều 11. Sử dụng Quốc ca trong các trường hợp khác

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng Quốc ca trong sự kiện, hoạt động khác không thuộc trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị định này, nếu việc sử dụng phù hợp với tính chất trang trọng của sự kiện, hoạt động và tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Khuyến khích sử dụng Quốc ca trong hoạt động giáo dục truyền thống, tuyên truyền lòng yêu nước, tôn vinh lịch sử, văn hóa và thành tựu của đất nước.

3. Việc sử dụng Quốc ca theo quy định tại Điều này không làm phát sinh nghĩa vụ áp dụng đầy đủ nghi thức quy định tại Điều 9 Nghị định này, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức thực hiện nghi thức hát Quốc ca.

Điều 12. Các trường hợp không được sử dụng Quốc ca

1. Quảng cáo thương mại hoặc hoạt động nhằm trực tiếp giới thiệu, thúc đẩy việc mua bán hàng hóa, dịch vụ.

2. Làm nhạc chuông, âm thanh báo hiệu, âm thanh thông báo hoặc nhạc nền thường xuyên tại cơ sở kinh doanh, dịch vụ, địa điểm vui chơi, giải trí.

3. Sự kiện riêng tư, hoạt động vui chơi, giải trí không phù hợp với tính chất trang nghiêm của Quốc ca.

4. Tang lễ của cá nhân, trừ Quốc tang, lễ tang cấp Nhà nước và trường hợp pháp luật có quy định sử dụng.

5. Sử dụng làm nhãn hiệu, tên thương mại, biểu trưng hoặc dấu hiệu nhằm phân biệt hàng hóa, dịch vụ.

6. Sử dụng dưới hình thức cắt ghép, phối hợp với âm thanh, hình ảnh, lời nói hoặc nội dung khác làm sai lệch, xúc phạm hoặc làm mất sự trang nghiêm của Quốc ca.

7. Sử dụng nhằm gây hiểu nhầm đây là bản chính thức hoặc sản phẩm được cơ quan nhà nước chứng nhận, bảo trợ.

8. Trường hợp khác thuộc hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 13. Sử dụng Quốc ca trên môi trường mạng, nền tảng số và trong sản phẩm truyền thông

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được đăng tải, lưu trữ, chia sẻ, khai thác và phổ biến Quốc ca trên môi trường mạng, nền tảng số và phương tiện truyền thông theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng phải bảo đảm đúng nhạc, đúng lời; không xuyên tạc, cắt ghép làm sai lệch Quốc ca; không gắn với nội dung vi phạm pháp luật; không làm mất sự trang nghiêm của Quốc ca; không gây hiểu nhầm về bản chính thức.

3. Không được sử dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo hoặc phương tiện kỹ thuật để tạo nội dung giả mạo Quốc ca; sửa lời, sửa nhạc; làm biến dạng, xuyên tạc, xúc phạm Quốc ca; giả mạo bản hòa âm, phối khí chính thức.

4. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp nền tảng số, dịch vụ thông tin điện tử có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam; phối hợp ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; không áp dụng biện pháp kỹ thuật hoặc quyền sở hữu trí tuệ để ngăn chặn việc sử dụng hợp pháp bản chính thức; tiếp nhận, giải quyết yêu cầu liên quan đến việc bản chính thức bị nhận diện sai hoặc hạn chế phổ biến.

5. Cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình và tổ chức truyền thông khi phát Quốc ca trong nghi lễ, sự kiện chính thức phải sử dụng bản chính thức.

Điều 14. Bảo vệ và phát huy giá trị Quốc ca

1. Quốc ca là biểu tượng quốc gia được Nhà nước và toàn xã hội tôn trọng, bảo vệ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ gìn sự toàn vẹn, giá trị và sự trang nghiêm của Quốc ca.

3. Nhà nước khuyến khích nghiên cứu lịch sử, giá trị và ý nghĩa của Quốc ca; số hóa, lưu trữ và phổ biến Quốc ca; xây dựng sản phẩm giáo dục, truyền thông phù hợp; ứng dụng khoa học, công nghệ để bảo vệ và phát huy giá trị Quốc ca.

4. Việc khai thác, sử dụng Quốc ca phải tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ và không được cản trở quyền phổ biến, sử dụng Quốc ca hợp pháp.

Điều 15. Cơ sở dữ liệu số quốc gia về Quốc ca

1. Cơ sở dữ liệu số quốc gia về Quốc ca gồm bản hòa âm, phối khí chính thức; lời Quốc ca; bản ghi âm chính thức của Quốc ca, Quốc thiều; tài liệu hướng dẫn sử dụng; tài liệu về lịch sử, giá trị và ý nghĩa của Quốc ca; thông tin khác phục vụ quản lý, giáo dục và phổ biến.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, quản lý, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu số quốc gia về Quốc ca.

3. Cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ và cung cấp công khai, thuận tiện, miễn phí; bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn, an toàn và khả năng khai thác lâu dài.

4. Cơ quan nhà nước, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức thể thao và cơ quan truyền thông được cung cấp bản chính thức từ cơ sở dữ liệu.

Điều 16. Phổ biến và giáo dục về Quốc ca

1. Tuyên truyền lịch sử, giá trị, ý nghĩa và quy định về sử dụng Quốc ca.

2. Đưa nội dung giáo dục về Quốc ca, nghi thức hát Quốc ca vào chương trình hoặc hoạt động giáo dục phù hợp.

3. Cơ sở giáo dục tổ chức cho người học học đúng nhạc, đúng lời; tìm hiểu lịch sử, ý nghĩa Quốc ca; thực hiện đúng nghi thức hát Quốc ca.

4. Cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình và truyền thông số tuyên truyền, phổ biến kiến thức về Quốc ca và nghi thức sử dụng.

5. Khuyến khích cơ quan, tổ chức và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài phổ biến Quốc ca bằng hình thức phù hợp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về sử dụng Quốc ca.
2. Chủ trì xây dựng, thẩm định, công bố và quản lý bản hòa âm, phối khí chính thức của Quốc ca, Quốc thiều.
3. Xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu số quốc gia về Quốc ca.
4. Hướng dẫn việc sử dụng Quốc ca thống nhất.
5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và phát huy giá trị Quốc ca.
6. Chủ trì, phối hợp kiểm tra, phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm.
7. Phối hợp với cơ quan liên quan và nền tảng số bảo vệ bản chính thức, xử lý việc nhận diện sai, chặn hoặc hạn chế phổ biến.
8. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành Nghị định.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

1. Bộ Ngoại giao:
 - a) Hướng dẫn sử dụng Quốc ca, Quốc thiều trong nghi lễ đối ngoại;
 - b) Phối hợp cung cấp bản chính thức cho cơ quan ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế;
 - c) Hướng dẫn cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài sử dụng Quốc ca;
 - d) Phối hợp xử lý vấn đề phát sinh trong sự kiện quốc tế.
2. Bộ Quốc phòng:
 - a) Hướng dẫn sử dụng Quốc ca, Quốc thiều trong Quân đội nhân dân và dân quân tự vệ;
 - b) Tổ chức quân nhạc thực hiện Quốc thiều theo nghi lễ;
 - c) Phối hợp xây dựng, thẩm định bản chính thức khi có yêu cầu;
 - d) Phát hiện, xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý.
3. Bộ Công an:
 - a) Hướng dẫn sử dụng Quốc ca trong Công an nhân dân;
 - b) Phát hiện, ngăn chặn, điều tra và xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền;
 - c) Phối hợp xử lý hành vi xuyên tạc, xúc phạm, lợi dụng Quốc ca trên môi trường mạng.

Điều 19. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn giáo dục về Quốc ca; hướng dẫn lễ chào cờ, nghi thức hát Quốc ca trong cơ sở giáo dục.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông phối hợp quản lý việc sử dụng Quốc ca trên báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử và nền tảng số; phối hợp xử lý nội dung vi phạm.
3. Cơ quan quản lý nhà nước về thể dục, thể thao hướng dẫn sử dụng Quốc ca trong sự kiện thể thao; cung cấp bản chính thức cho tổ chức thể thao, đơn vị tổ chức giải quốc tế.
4. Bộ Tài chính tổng hợp, bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
5. Các bộ, cơ quan ngang bộ khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức thực hiện Nghị định; kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Tổ chức thực hiện Nghị định tại địa phương.
2. Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng Quốc ca trong sự kiện, lễ kỷ niệm và hoạt động thuộc phạm vi quản lý.
3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về Quốc ca.
4. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.
5. Bảo đảm nguồn lực thực hiện.
6. Báo cáo tình hình thi hành theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì nghi lễ, sự kiện có trách nhiệm xác định đúng trường hợp sử dụng; lựa chọn bản chính thức; tổ chức thực hiện đúng nghi thức; chịu trách nhiệm về nội dung, hình thức sử dụng.
2. Cơ quan báo chí, tổ chức phát thanh, truyền hình, truyền thông số có trách nhiệm sử dụng đúng bản chính thức; không cắt ghép, làm sai lệch Quốc ca; phối hợp tuyên truyền và xử lý nội dung vi phạm.
3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ Quốc ca; thực hiện đúng nghi thức khi tham gia; không thực hiện hành vi bị nghiêm cấm; thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện vi phạm.

Điều 22. Kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra việc thi hành Nghị định theo chức năng, nhiệm vụ.
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm thì tùy tính chất, mức độ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung vi phạm trên môi trường mạng bị ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc áp dụng biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

4. Việc xử lý vi phạm không được làm cản trở việc tiếp cận, phổ biến và sử dụng hợp pháp Quốc ca.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...
2. Bãi bỏ Điều lệ số 975-TTg ngày 21 tháng 7 năm 1956 của Thủ tướng Chính phủ về việc dùng Quốc ca nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn về sử dụng Quốc ca không còn phù hợp với Nghị định này.
4. Trường hợp văn bản khác dẫn chiếu đến quy định bị bãi bỏ thì thực hiện theo Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Bản ghi Quốc ca, Quốc thiều đang được cơ quan, tổ chức sử dụng được tiếp tục sử dụng đến thời điểm bản hòa âm, phối khí chính thức được công bố, nếu bảo đảm đúng nhạc, đúng lời và sự trang nghiêm.
2. Trong thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố bản hòa âm, phối khí chính thức; bản ghi âm chính thức; cơ sở dữ liệu số quốc gia về Quốc ca; hướng dẫn khai thác, sử dụng.
3. Sau thời điểm bản chính thức được công bố, nghi lễ, sự kiện thuộc trường hợp bắt buộc phải sử dụng bản chính thức hoặc thực hiện theo bản hòa âm, phối khí chính thức.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Thị Thanh Trà

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Tổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).